TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2017
"V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Lý Văn Sáu**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Trần Thị Tím**
2. Bà **Nguyễn Thị Anh Đào**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Hữu Tài** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa***: Ông **Trầm Văn Mừng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017, về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1985; cư trú tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Hồng Thanh T**, sinh năm 1979; cư trú tại ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: Chị và anh Hồng Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T. Sau đám cưới vợ chồng chị lên Thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê được khoảng 01 năm thì về quê làm ăn và sinh sống. Cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường đi nhậu về rồi kiếm chuyện gây gổ và xúc phạm chị. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt và mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, chị và anh T có một người con tên Hồng Thanh T1, sinh ngày 15/3/2005, nay ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2017, bị đơn anh Hồng Thanh T thống nhất với chị M về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, nhưng anh cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn nên anh không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản tiếp xúc ngày 03/8/2017, cháu Hồng Thành T1 có ý kiến là nếu chị M và anh T ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn được ở với chị M.

Tại phiên tòa hôm nay chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Anh T có ý kiến nếu Tòa giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị M nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 02 đến 03 triệu đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị M được ly hôn với anh T. Về con chung, giao cháu Hồng Thanh T1 cho chị M nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh T. Về án phí sơ thẩm, đề nghị miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị M do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại xã Đ, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Hồng Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị M yêu cầu ly hôn với anh T nhưng anh T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với anh T. Kể từ khi thụ lý vụ án đến nay đã hơn 03 tháng, mặc dù anh T có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng trong khoảng thời gian giải quyết vụ án anh T vẫn không thể hiện được sự thay đổi và không thuyết phục được vợ mình tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T Xét đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn được, quan hệ hôn nhân giữa họ đã thật sự rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh T thống nhất có 01 người con chung là cháu Hồng Thanh T1, sinh ngày 15/3/2005. Qúa trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến về việc giải quyết con chung vì anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy hiện nay cháu

T1 đang còn nhỏ, nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tuy nhiên, cần xét đến nguyện vọng của cháu T1 là được ở cùng mẹ, hơn nữa hiện nay cháu T1 vẫn đang ở với chị M. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hồng Thành T1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên tại phiên tòa anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con từ 02 đến 03 triệu đồng/tháng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Anh T không không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị M. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung nà nợ chung: Chị M và anh T đều thống nhất là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị M được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Chị M tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng thay cho anh T và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011108 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Hồng Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Hồng Thanh T1, sinh ngày 15/3/2005 cho chị M nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chị M. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị M được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do thuộc diện người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Chị M tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng thay cho anh T và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền

số 0011108 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Sáu